TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T,TP. H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 179/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 22 tháng 06 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 262/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/06/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987

Bị đơn: Anh Nguyễn Sỹ N, sinh năm 1977

Cùng trú tại: Tập thể nhà máy cơ khí Giải Phóng, xã T, huyện T, TP. H

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/06/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/06/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Sỹ N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 22/10/2009 và cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 17/8/2011. Giao cả hai con chung là cháu T và cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số 6638 ngày 03/6/2020. Hoàn trả chị Phạm Thị T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- đăng ký kết hôn ngày 26/02/2009 tại UBND xã T, huyện T, thành phố H;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ
Thẩm phán

(Đã ký)